TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày 27-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Đôi

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST-DS ngày 12/8/2022, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXX-ST ngày 07/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-DS ngày 23/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng H; sinh năm 1981;

Đăng ký HKTT: Thôn 8, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện trú tại: Số 27, T2, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang Thái, sinh năm 1988; Giám đốc Công ty Luật TNHH MTV B;

Địa chỉ Công ty: Số 207/4/240, đường T, phường T1, quận L, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Hợp đồng ủy quyền số 10/2022/HĐUQ-BTN ngày 25/6/2022).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1967;

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/6/2022, bản tự khai ngày 19/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thái thống nhất trình bày: Anh H có mối quan hệ xã hội với bà H1 từ trước, khi bà H1 hỏi vay tiền để giải quyết công việc cá nhân, anh H đồng ý. Trong các ngày 26/8/2021, 06/9/2021, 09/9/2021, 21/9/2021, 19/10/2021, anh H 05 lần cho bà H1 vay tổng số tiền 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

Lần 1: Trong giấy cho vay tiền ngày 26/8/2021, bà H1 vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tại điểm vay xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng; lãi suất 1,2%/tháng; phương thức thanh toán: Tiền mặt; thời điểm thanh toán gốc và lãi: Sau 30 ngày kể từ ngày vay. Lần 2: Trong giấy cho vay tiền ngày 06/9/2021, bà H1 vay 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) tại điểm vay xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; lãi suất 1,2%/tháng; phương thức thanh toán: Tiền mặt; thời điểm thanh toán gốc và lãi: Ngày 06/10/2021. Lần 3: Trong giấy vay tiền ngày 09/9/2021, bà H1 vay 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) tại điểm vay quận L, thành phố Hải Phòng; lãi suất 1,2%/tháng; phương thức thanh toán: Tiền mặt; thời điểm thanh toán gốc và lãi: Sau 30 ngày kể từ ngày vay. Lần 4: Trong giấy vay tiền ngày 21/9/2021, bà H1 vay 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) tại điểm vay quận L, thành phố Hải Phòng; lãi suất 1,2%/tháng; phương thức thanh toán: Tiền mặt; thời điểm thanh toán gốc và lãi: Sau 30 ngày kể từ ngày vay. Lần 5: Trong giấy vay tiền ngày 19/10/2021, bà H1 vay 20.000.000đ (hai triệu đồng) tại điểm vay quận L, thành phố Hải Phòng; lãi suất 1,2%/tháng; phương thức thanh toán: Tiền mặt; thời điểm thanh toán gốc và lãi: Sau 30 ngày kể từ ngày vay. Trong 05 giấy vay tiền bà H1 đều cam kết nghĩa vụ trả nợ đúng hạn, nếu vi phạm sẽ dùng toàn bộ tài sản để bên cho vay xử lý thu hồi nợ. Những chữ viết với nội dung liên quan đến việc cho vay tiền trong các giấy cho vay tiền và các giấy vay tiền nêu trên do anh H viết. Bà H1 có 01 lần trực tiếp ghi số tiền vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) vào 01 giấy vay tiền. Anh H cho bà H1 vay tiền là vay riêng, không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình bà H1. Từ thời điểm cho vay đến nay bà H1 chưa trả được anh H khoản nợ gốc, lãi nào.

Hết thời hạn vay, anh H nhiều lần gọi điện thoại bà H1 đều đưa ra các lý do chưa trả được tiền, anh H nhiều lần đến nhà tìm bà H1 yêu cầu trả nợ nhưng không gặp nên phải ủy quyền cho ông Nguyễn Quang Thái - Giám đốc Công ty Luật TNHH MTV B thông báo bằng văn bản cho bà H1 biết. Nay anh H yêu cầu bà H1 phải trả số tiền nợ gốc là 680.000.000đ (sáu trăm, tám mươi triệu đồng) và tính lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất 1,2%/tháng tính từ ngày bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ anh H.

Tại bản tự khai ngày 15/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H1 trình bày: Bà biết anh H thời gian từ khoảng tháng 6/2021, khi anh H làm

môi giới, nhận trách nhiệm làm thủ tục vay 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) cho bà tại Ngân hàng Quốc tế. Do thời gian vay ngân hàng mất 02 tháng trong khi đó bà cần tiền gấp, lo việc cá nhân, không liên quan đến chồng bà, nên có hỏi vay anh H. Anh H đồng ý nên có cho bà vay tiền 04 lần, như sau: Lần 1: Tháng 8/2021, không nhớ ngày chính xác, số tiền vay 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), anh H trực tiếp đưa cho bà; địa điểm giao nhận tiền tại đường 353, khu vực ngã tư có lối rẽ đi vào UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Anh H có chuẩn sẵn giấy vay tiền. Hai bên thỏa thuận khi nào Ngân hàng Quốc tế giải ngân thì bà trả tiền cho anh H, kèm theo tính lãi 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Anh H yêu cầu bà ghi nội dung: "Tôi đã nhận đủ tiền và ký, ghi rõ họ tên", bà thực hiện theo. Số tiền vay và các thông tin khác trong giấy vay tiền anh H trao đổi với bà anh H viết sau. Lần 2: Ngày 12/8/2021, số tiền vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), anh H chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng Quân đội (MBbank) của anh Bùi Văn C. Do bà chưa mở tài khoản ở Ngân hàng nào tại thời điểm đó nên bà gọi điện thoại nhờ anh C nhận tiền anh H chuyển khoản đến, anh C đồng ý; nội dung chuyển khoản có ghi "H chuyển khoản cho chị H1" địa điểm vay tiền như lần 1. Anh H cũng chuẩn sẵn giấy vay tiền. Hai bên thỏa thuận khi nào ngân hàng Quốc tế giải ngân tiền cho thì bà trả tiền cho anh H, kèm theo tính lãi 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Anh H yêu cầu bà ghi nội dung: "Tôi đã nhận đủ tiền và ký ghi rõ họ tên", bà thực hiện theo. Số tiền vay và các thông tin khác trong giấy vay tiền anh H nói với tôi anh H viết sau. Lần 3: Tháng 8/2021, không nhớ chính xác ngày, vay 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), anh H trực tiếp đưa cho tôi; địa điểm vay tiền tại bến xe N, thành phố Hải Phòng. Anh H cũng chuẩn sẵn giấy vay tiền. Hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ, số tiền lãi phải trả giống như hai lần vay trên. Anh H yêu cầu bà ghi nội dung: "Đã nhận đủ tiền và ký ghi rõ họ tên", bà thực hiện theo. Số tiền vay và các thông tin khác trong giấy vay tiền anh H trao đổi với bà anh H viết sau. Lần 4: Tháng 8/2021, không nhớ chính xác ngày, vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), anh H trực tiếp đưa cho bà; địa điểm vay tiền tại bến xe N, thành phố Hải Phòng. Anh H cũng chuẩn sẵn giấy vay tiền. Hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ, số tiền lãi phải trả giống như những lần trước. Anh H yêu cầu bà ghi nội dung: "Đã nhận đủ tiền và ký ghi rõ họ tên", bà thực hiện theo. Số tiền vay là bà trực tiếp viết còn các thông tin khác trong giấy vay tiền anh H trao đổi với bà anh H viết sau. Hai bên không thỏa thuận các khoản vay phải có tài sản bảo đảm. Giấy vay tiền anh H giữ.

Bà chỉ thừa nhận có vay anh H 04 lần bằng 280.000.000 đồng, không vay anh H 680.000.000 đồng. Sau đó bà H1 thay đổi lời khai, không thừa nhận việc có nợ anh H 280.000.000 đồng như bà đã khai, không nợ anh H 680.000.000 đồng với lý do: Tháng 8/2021, khi bà nhờ anh H lập hồ sơ để bà vay tiền của Ngân hàng Quốc tế, anh H có nói với bà về việc phải trả 200.000.000 đồng phí làm dịch vụ và bà phải chuyển vào tài khoản do anh H cung cấp. Ngày 30/8/2021, anh H được Ngân hàng Quốc tế giải ngân đủ 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) vào 02 tài khoản. Tài

khoản 1 có số 008703938, tên chủ tài khoản Nguyễn Thị Hiền H2 (bạn anh H) mở tại ngân hàng VIB Ngô Quyền và tài khoản 2 có số 060704060034240, tên chủ tài khoản Đặng H mở tại ngân hàng VIB Bạch Đằng. Số tiền trên là tiền của bà nhưng anh H chiếm giữ. Anh H chỉ đưa cho bà 500.000.000 đồng, bà nhiều lần yêu cầu anh H trả lại 1.500.000.000 đồng nhưng anh H trình bày đã tính hết vào nợ gốc, lãi và công môi giới ngân hàng. Bà yêu cầu anh H nếu lấy 1.500.000.000 đồng thì phải trả bà các giấy cho vay tiền, giấy vay tiền hai bên đã ký kết với nhau. Do anh H không trả và thường xuyên đòi nợ bà nên xảy ra cãi mắng nhau nhiều lần. Cuối tháng 6/2022, bà nhận được thông báo về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và khởi kiện của Công ty luật TNHH B mới biết anh H ghi số tiền nợ trong 05 giấy vay tiền cộng thành 680.000.000 đồng. Nên bà không đồng ý với việc anh H khởi kiện yêu cầu bà trả nợ gốc 680.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Ngày 30/8/2022, ông Thái nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không trả toàn bộ nợ gốc, lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại bản tự khai ngày 23/9/2022, ông Thái giữ nguyên yêu cầu buộc bà H1 trả anh H số tiền nợ gốc 680.000.000 đồng theo các giấy cho vay tiền ngày 26/8/2021, ngày 06/9/2021, các giấy vay tiền ngày 09/9/2021, ngày 21/9/2021, ngày 19/10/202 và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,2%/tháng thành tính lãi của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 20/11/2021 tạm tính đến ngày 23/9/2022 là 57.194.520 đồng và tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 24/9/2022 cho đến khi bà H1 thanh toán hết nợ cho anh H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2022, người làm chứng anh C trình bày: Anh không biết anh H, có biết bà H1 do bà là người cùng xã. Nội dung vay mượn tiền giữa anh H và bà H1 anh không biết. Ngày 12/8/2022, anh được bà H1 gọi điện thoại nhờ rút tiền. Bà H1 nói có người sẽ chuyển 100.000.000^{đ} (một trăm triệu đồng) vào tài khoản bà H1 nhưng ở cây ATM không rút được hết 100.000.000^{đ}/ngày nên bà nói chuyển nhờ vào tài khoản anh C để bà H1 nhận tiền mặt từ anh C. Anh đồng ý, đã giao lại đủ 100.000.000 đồng tiền mặt cho bà H1 nhận. Bà H1 không nói tiền trên của anh H cho bà vay. Anh H và bà H1 không mất phí dịch vụ chuyển tiền.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2022, người làm chứng ông Ngô Quang Đ, trình bày: Toàn bộ nội dung liên quan đến việc anh H cho bà H1 vay tiền như thế nào ông không biết, không chứng kiến, không tham gia giao dịch. Bà H1 không nói, không dùng số tiền trên để chi tiêu sinh hoạt chung của gia đình mà dùng vào việc cá nhân riêng của bà. Ông khẳng định số tiền bà H1 vay ông H không phải là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Ông Đ từ chối tham gia tố tụng tại phiên tòa với tư cách là người làm chứng trong vụ án.

Tại đơn đề nghị ngày 07/9/2022, chị Vũ Thị Phúc Thành vợ anh H trình bày: Số tiền anh H cho bà H1 vay là tiền riêng của anh H, không phải là tiền chung của

vợ chồng. Chị không biết việc vay mượn giữa anh H và bà H1, không tham gia giao dịch nên từ chối tham gia tố tụng tại phiên tòa với tư cách người làm chứng.

Tại phiên tòa, ông Thái giữ nguyên quan điểm rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh H về việc không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản của bà H1 trong trường hợp bà H1 không đủ trả nợ gốc và lãi; yêu cầu bà H1 trả toàn bộ nợ gốc 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng) và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu tính lãi 1,2%/tháng thành yêu cầu tính lãi 10%/năm tính từ ngày 20/11/2021 đến ngày xét xử 27/9/2022 và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật đến khi bà H1 trả hết số tiền nợ gốc.

Theo nội dung khởi kiện và yêu cầu của anh H. Tòa án đã xác minh, tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn bà H1, bà H1 không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do, lần thứ hai có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vắng mặt bị đơn, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và có quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn cơ bản chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Bị đơn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án là không thực hiện các quyền, không chấp hành các nghĩa vụ và vi phạm quy định tại các điều 70, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 274, 275, 276, 278, 280, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh H về việc không đề nghị Tòa án xử lý các tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà H1.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bà H1 trả số tiền nợ gốc và chấp nhận việc thay đổi phần yêu cầu tính lãi từ 1,2%/tháng, tính từ

ngày 20/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm thành yêu cầu tính lãi 10%/năm, tính từ ngày 20/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với bị đơn:

Buộc bà Phạm Thị H1 phải trả anh Phạm H số tiền nợ gốc 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng) và số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 20/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2022 bằng số tiền 57.939.726đ (năm mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/9/2022 đến thời điểm bà H1 trả hết nợ cho anh H.

Về án phí: Bị đơn phải chịu 33.517.589 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về áp dụng pháp luật*:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản " đối với bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Đ, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án; bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Đối với những người làm chứng gồm ông Đ, chị Thành, anh C, đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của nguyên đơn, bị đơn về việc những người này đều không liên quan, không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong việc anh H cho bà H1 vay nợ và đều từ chối tham gia tố tụng nên không triệu tập họ đến Tòa án tham gia tố tụng.

[2] Về thời hiện khởi kiện: Theo các giấy cho vay tiền ngày 26/8/2021, ngày 06/9/2021 và các giấy vay tiền ngày 09/9/2021, ngày 21/9/2021 và ngày 19/10/2021, đơn khởi kiện ngày 27/6/2022 của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xác định, từ thời điểm vay tiền đến nay, bà H1 chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ anh H khoản tiền nợ gốc, lãi nào dẫn đến phát sinh tranh chấp. Căn cứ theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự, anh H khởi kiện vụ án dân sự trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền 05 lần theo 05 giấy vay tiền trong các ngày 26/8/2021, 06/9/2021, 09/9/2021, 21/9/2021,

19/10/2021 với tổng số tiền 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng), có thỏa thuận thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 1,2%/tháng. Do mục đích vay của bị đơn để giải quyết công việc riêng, không có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là loại vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[4] Xét việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2022, anh H đề nghị Tòa án xác minh các tài sản của bà H1 để tuyên xử lý tài sản bảo đảm nhằm thu hồi khoản nợ anh H cho bà H1 vay. Theo Hợp đồng ủy quyền số 10/2022/HĐUQ-BTN ngày 25/6/2022 giữa anh H và ông Thái thì ông Thái có quyền rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh H. Ngày 30/8/2022, ông Thái có đơn xin rút một phần yêu cầu, không đề nghị Tòa án xử lý các tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà H1 với anh H. Xét việc rút một phần yêu cầu của ông Thái là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật; bà H1 đã nhận được thông báo của Tòa án về việc ông Thái có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu, đề nghị gì khác liên quan nên cần được chấp nhận và đình chỉ theo quy định của pháp luật.

[5] Xét tính hợp pháp của 05 hợp đồng vay tài sản: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do hai bên đương sự cung cấp gồm các giấy cho vay tiền ngày 26/8/2021, ngày 06/9/2021 và các giấy vay tiền ngày 09/9/2021, ngày 21/9/2021, ngày 19/10/2021; lời khai của các đương sự, những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác do Tòa án xác minh, thu thập được có trong hồ sơ vụ án; thể hiện: Bà H1 tự nguyện thỏa thuận vay tiền anh H 05 lần bằng tổng số tiền 680.000.000 đồng để giải quyết công việc riêng và cam kết trả nợ anh H đều với thời hạn 30 ngày tính từ ngày vay/01 lần vay. Các bên tham gia giao dịch đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các bên đều thừa nhận đúng chữ ký, chữ viết của mình trong các giấy cho vay tiền ngày 26/8/2021, ngày 06/9/2021 và các giấy vay tiền ngày 09/9/2021, ngày 21/9/2021, ngày 19/10/2021; anh H có giao tiền cho bà H1. Như vậy, 05 hợp đồng vay tài sản nêu trên là hợp pháp theo quy định tại các điều 116, 117, 119 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[5.1] Về nghĩa vụ thực hiện hợp đồng: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Anh H thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng, giao bà H1 nhận 05 lần đủ số tiền 680.000.000 đồng: Lần 1 giao 200.000.000 đồng ngày 26/8/2021; lần 2 giao 160.000.000 đồng ngày 06/9/2021; lần 3 giao 150.00.000 đồng ngày 09/9/2021; lần 4 giao 150.000.000 đồng ngày 21/9/2021; lần 5 giao 20.000.000 đồng ngày 19/10/2021. Bà H1 chỉ thừa nhận 04 lần vay tiền anh H tổng số tiền 280.000.000 đồng: Lần 1 nhận 90.000.000 đồng; lần 2 nhận 100.000.000

đồng ngày 12/8/2021; lần 3 nhận 70.000.000 đồng; lần 4 nhận 20.000.000 đồng, các lần nhận tiền đều vào tháng 8/2021, 03 lần không nhớ nhận tiền ngày nào nhưng không chứng minh được. Từ thời điểm vay tiền đến nay bà H1 chưa trả anh H khoản nợ gốc, lãi nào. Như vậy, xác định bà H1 chưa thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ tiền vay là vi phạm quy định tại các điều 274, 275, 276, 278, 280, 463, 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc: Tại phiên tòa, ông Thái giữ nguyên yêu cầu bà H1 phải trả anh H nợ gốc 680.000.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án xác minh, thu thập được, thể hiện: Anh H, bà H1 tự nguyện thỏa thuận về việc anh H cho bà H1 vay tiền, giao nhận 05 lần bằng tổng số tiền 680.000.000 đồng. Hai bên cùng tự nguyện viết các nội dung liên quan đến việc cho nhau vay tiền, cùng ký, ghi rõ họ và tên vào 05 giấy vay tiền như đã nêu trên. Có 04 giấy vay tiền do bà H1 trực tiếp viết nội dung "Đã nhận đủ tiền", 01 giấy vay tiền bà H1 trực tiếp viết số tiền vay 20.000.000 đồng và bà H1 đều tự nguyện, trực tiếp ký, viết họ và tên Phạm Thị H1 vào 05 giấy vay tiền. Do đó, có đủ cơ sở để xác định việc thỏa thuận cho vay và vay tiền giữa các bên tuân thủ các quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại các điều 274, 275, 276, 278, 280, 463, 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ gốc 680.000.000 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất: Theo các giấy cho vay tiền và giấy vay tiền nêu trên, anh H, bà H1 tự nguyện thỏa thuận mức lãi suất 1,2%/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông Thái thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất từ 1,2%/tháng từ ngày 20/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm thành yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 20/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2022 bằng 311 ngày: 680.000.000 đồng x 10% x 311 ngày = 57.939.726 đồng. Xét yêu cầu về tính lãi suất của nguyên đơn phù hợp với quy định tại các điều 466, 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[8] Xét ý kiến của bị đơn đối với các yêu cầu của nguyên đơn: Bị đơn thừa nhận có viết, ký họ và tên Phạm Thị H1 vào 05 giấy cho vay tiền, giấy vay tiền trong các ngày 26/8/2021, 06/9/2021, 09/9/2021, 21/9/2021, 19/10/2021 của nguyên đơn đã nộp cho Tòa án. Nhưng bà H1 chỉ thừa nhận có vay của anh H 04 lần với tổng số tiền nợ 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng). Sau đó, bị đơn thay đổi lời khai về việc không nợ số tiền 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) như bà đã khai, không nợ anh H số tiền vay 05 lần bằng 680.000.000 đồng với lý do bà H1 đã giao nộp đến Tòa án 01 sổ hạch toán chi tiết của tài khoản của Ngân hàng Quân đội có nội dung anh H chuyển khoản cho anh C số tiền 100.000.000

đồng có ghi "H chuyển khoản cho chị H1"; 02 đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ của Ngân hàng Quốc tế có nội dung giải ngân cho bà H1 2.000.000.000 đồng qua tài khoản của anh H và chị H2 (bạn anh H). Bà H1 cho rằng số tiền anh H chuyển khoản thể hiện hai bên vay nợ nhau số tiền 100.000.000 đồng, không phải 160.000.000 đồng như nội dung trong giấy vay tiền đề ngày 06/9/2021 anh H nộp đến Tòa án. Anh H đang giữ 1.500.000.000 đồng là tiền của bà từ tháng 8/2021. Đối trừ với khoản nợ của anh H, bà chỉ nợ anh 280.000.000 đồng. Anh H cung cấp đến Tòa án 01 giấy vay tiền ngày 10/7/2021, có ghi bà H1 vay của anh H 1.510.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Thái trình bày: Từ trước khi khởi kiện vụ án này, giữa anh H với bà H1 nhiều lần cho nhau vay nợ và đã giải quyết xong với nhau. Số tiền 1.500.000.000 đồng bà H1 trình bày anh H giữ của bà H1 là số tiền bà H1 trả cho anh H theo giấy vay nợ ngày 10/7/2021 đã xong, không liên quan đến 05 giấy vay nợ anh H đang yêu cầu bà H1 trả. Ngày 12/8/2021, bà H1 có vay của anh H 100.000.000 đồng chuyển nhờ qua tài khoản anh C nhưng bà H1 đã trả khoản nợ này nên anh H không khởi kiện. Tòa án đã yêu cầu bà H1 giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của bà là có căn cứ hợp pháp và hỏi bà có yêu cầu Tòa án Trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong các giấy cho vay tiền, giấy vay tiền nêu trên không, bà không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H1 đều không giao nộp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho những lời khai của bà là có căn cứ. Vì vậy, xác định các ý kiến, lý do của bà H1 trình bày nêu trên đều không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Cần buộc bà H1 phải trả anh H toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi như anh H yêu cầu là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những phân tích và đánh giá như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc 680.000.000 đồng theo giấy cho vay tiền, giấy vay tiền các ngày 26/8/2021; 06/9/2021; 09/9/2021; 21/9/2021 và 19/10/2021, tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu, tính từ ngày 20/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2022 và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày 28/9/2022 cho đến khi bà H1 trả hết nợ anh H.

[10] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại anh H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 274, 275, 276, 278, 280, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật

Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không đề nghị Tòa án xử lý các tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà H1.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Phạm Thị H1 phải trả anh Đặng H số tiền 737.940.000[đ] (bảy trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng), đã làm tròn số. Trong đó: Nợ gốc 680.000.000[đ] (sáu trăm tám mươi triệu đồng) và số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 20/11/2021 đến ngày 27/9/2022 bằng 57.940.000[đ] (năm mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm.

3. Về án phí:

- Hoàn trả lại anh Đặng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.600.000[đ] (mười lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: AA/2021, số 0001743 ngày 12/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Bà Phạm Thị H1 phải chịu 33.517.600[đ] (ba mươi ba triệu, năm trăm mười bảy nghìn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Anh H, ông Thái có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

- Bà H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Nguyễn Đức Hoàng